

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tạm thời Bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Bạch Mai (đợt 5)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN BẠCH MAI

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;
Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp;
Căn cứ Quyết định số 1971/QĐ- BYT ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao quyền tự chủ tài chính năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 cho Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện K;
Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Bạch Mai;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Khoa Mắt số 1575/BB-BM ngày 05/4/2024;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Viện sức khỏe tâm thần số 1573/BB-BM ngày 05/4/2024;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Trung tâm Huyết học và Truyền máu số 1572/BB-BM ngày 05/4/2024;



Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Trung tâm Nhi khoa số 1570/BB-BM ngày 05/4/2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Khoa Da liễu số 1574/BB-BM ngày 05/4/2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Trung tâm Hô hấp số 1571/BB-BM ngày 05/4/2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Trung tâm Điện Quang số 1568/BB-BM ngày 05/4/2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại Trung tâm Cơ Xương Khớp số 1569/BB-BM ngày 05/4/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 480 /NQ-ĐU ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đảng ủy Bệnh viện Bạch Mai về việc thông qua chủ trương ban hành tạm thời Bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Bạch Mai (đợt 5);

Căn cứ Tờ trình số 95 /TTr-TCKT ngày 19 tháng 04 năm 2024 của các đơn vị về việc phê duyệt ban hành tạm thời Bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Bạch Mai (đợt 5);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng các đơn vị: Khoa mắt, Khoa Da liễu, Viện Sức khỏe tâm thần, Trung tâm Huyết học và Truyền máu, Trung tâm Nhi khoa, Trung tâm Hô hấp, Trung tâm Điện quang, Trung tâm Cơ Xương Khớp.

QUYẾT ĐỊNH:

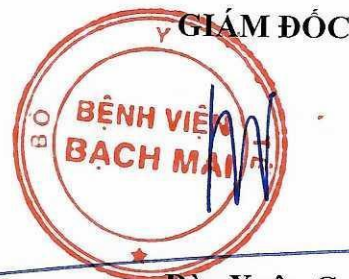
Điều 1. Phê duyệt ban hành tạm thời Bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Bạch Mai (đợt 5) (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 / 04 /2024.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng/ Phó các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, TCKT.



Đào Xuân Cơ

Handwritten signatures and initials at the bottom of the page, including a large signature 'Anao' and several other initials.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN BẠCH MAI (ĐỢT 5)**

(Kèm theo Quyết định số ... 1545/QĐ-BM ngày 19 / 4 /2024)

STT	Tên dịch vụ	Ghi chú	Giá ban hành tạm thời
I	KHOA MẮT		
1	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu		125.000
2	Đo thị lực		50.000
3	Thử kính		113.000
4	Chụp đáy mắt không huỳnh quang		301.000
5	Đo biên độ điều tiết		129.000
6	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)		139.000
7	Cắt chỉ khâu kết mạc		133.000
8	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản		133.000
9	Mức nội nhãn		3.355.000
10	Phẫu thuật quặm		2.641.000
11	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm		1.603.000
II	KHOA DA LIỄU		
1	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng		952.000
2	Chăm sóc bệnh nhân dị ứng thuốc nặng		1.295.000
3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm		350.000
4	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ		236.000
5	Sinh thiết móng		689.000
6	Phẫu thuật điều trị u dưới móng		2.208.000
7	Phẫu thuật Mohs điều trị ung thư da		4.535.000
8	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da		784.000
9	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt		2.208.000
10	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp		2.208.000
11	Chăm sóc người bệnh bị pemphigoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq....		682.000
12	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED		206.000
13	Trẻ hóa da bằng tiêm Botulinum toxin		2.093.000
14	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED		206.000
15	Trẻ hóa da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)		2.090.000
16	Chăm sóc da điều trị bệnh da		509.000
III	VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN		
1	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)		45.000

(Handwritten signatures and initials)

2	Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit)		37.000
3	Kích thích từ xuyên sọ (TMS)		173.000
4	Liệu pháp thư giãn luyện tập		40.000
5	Liệu pháp tâm lý nhóm		43.000
6	Liệu pháp tâm lý gia đình		121.000
7	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình		121.000
8	Liệu pháp giải thích hợp lý		121.000
9	Liệu pháp hành vi		174.000
10	Liệu pháp âm thị		183.000
11	Liệu pháp nhận thức hành vi		188.000
12	Liệu pháp nhận thức		121.000
13	Liệu pháp tâm lý động		121.000
14	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)		46.000
15	Liệu pháp âm nhạc		46.000
16	Liệu pháp hội họa		78.000
17	Liệu pháp tái thích ứng xã hội		46.000
18	Xử trí trạng thái kích động		456.000
19	Xử trí trạng thái không ăn		333.000
20	Thang đánh giá điếm mạnh và khó khăn trẻ em SDQ25 (dành cho trẻ từ 4 - 16 tuổi) có các bản do cha mẹ điền và trẻ em tự điền (từ 11 - 16)		64.000
21	Thang đo lo âu trầm cảm H.A.D		45.000
22	Thang đánh giá rối loạn lo âu lan tỏa (GAD7)		36.000
23	Thang đánh giá lo âu trẻ em Spence (SCAS)		65.000
IV	TRUNG TÂM HUYẾT HỌC VÀ TRUYỀN MÁU		
1	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng ghép tế bào gốc		1.303.000
2	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)		182.000
V	TRUNG TÂM HÔ HẤP		

[Handwritten signatures and initials]

1	Siêu âm nội soi phế quản ống mềm (Nội soi phế quản ống mềm siêu âm sinh thiết xuyên thành phế quản hạch/u trung thất)		10.346.000
2	Siêu âm nội soi phế quản ống mềm (Nội soi phế quản ống mềm siêu âm sinh thiết xuyên thành phế quản (tổn thương phổi ngoại vi)		10.823.000
VI TRUNG TÂM CƠ XƯƠNG KHỚP			
1	Tiêm ngoài màng cứng	Chưa bao gồm thuốc tiêm	382.000
2	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ		267.000
3	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm		357.000
4	Thay băng vết loét do hạt tophi vỡ		326.000
5	Kỹ thuật truyền một số thuốc sinh học	Chưa bao gồm thuốc truyền	667.000
6	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm		1.185.000
7	Kỹ thuật sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở		784.000
VII TRUNG TÂM ĐIỆN QUANG			
1	Siêu âm Doppler u, tạng		193.000
2	Chụp tử cung-vòi trứng bằng số hóa	Chưa bao gồm thuốc cản quang	661.000
3	Chụp bàng quang có bơm thuốc cản quang	Chưa bao gồm thuốc cản quang, ống thông	461.000
4	Chụp CT Scanner 64 dãy đến 128 dãy có thuốc cản quang	Chưa bao gồm thuốc cản quang	3.022.000
5	Chụp CT Scanner 64 dãy đến 128 dãy không có thuốc cản quang		2.368.000
6	Chụp cộng hưởng từ (MRI) tưới máu - phổ - chức năng 1.5T		4.180.000
VIII TRUNG TÂM NHI KHOA			
1	Lấy bệnh phẩm họng		130.000
2	Lấy bệnh phẩm thực tràng		110.000